

Số: 588b/QĐ-BVKA

Hải Phòng, ngày 29 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá thu dịch vụ Giường bệnh theo yêu cầu khoa Tai Mũi Họng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN KIẾN AN

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính Phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính Phủ quy định quy chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phân loại mức độ tự chủ tài chính giai đoạn 2020 – 2026 cho đơn vị sự nghiệp công lập khối thành phố;

Căn cứ Biên bản hội nghị thống nhất mức giá thu dịch vụ Giường bệnh theo yêu cầu khoa Tai Mũi Họng;

Xét đề nghị của khoa Tai Mũi Họng và phòng Tài chính Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành quyết định mức giá thu dịch vụ giường bệnh theo yêu cầu tại khoa Tai Mũi Họng.

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Phòng Công nghệ thông tin có trách nhiệm lập mã dịch vụ giường bệnh theo yêu cầu tại quyết định này trên phần mềm quản lý bệnh viện và hướng dẫn các khoa nhập dữ liệu trên phần mềm.

Điều 3. Phòng Tài chính Kế toán có trách nhiệm lập sổ kế toán theo dõi thu và thanh quyết toán dịch vụ theo quy định của bệnh viện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29/5/2023.

Các phòng Tài chính Kế toán, phòng Công nghệ thông tin, khoa Tai Mũi Họng và các khoa phòng trong bệnh viện căn cứ quyết định thi hành. /m

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN KIẾN AN
Nguyễn Bá Phước

PHỤ LỤC
DANH MỤC GIÁ THU DỊCH VỤ
GIƯỜNG BỆNH YÊU CẦU KHOA TẠI MŨI HỌNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 588b/QĐ-BVKA ngày 29/5/2023
của Giám đốc Bệnh viện Kiên An)

TT	Nội dung	Giá dịch vụ (đồng)	BHYT chi trả (đồng)	Người bệnh có thẻ BHYT chi trả (đồng)
1	Ngày giường bệnh nội khoa:			
1.1	Loại 2: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mất, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT hoặc PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	306.600	203.600	100.000
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng:			
2.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	403.800	303.800	100.000
2.2	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	376.500	276.500	100.000
2.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	341.700	241.700	100.000
2.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	316.500	216.500	100.000

24